

Số: 4565/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải
của lưu vực sông La Tinh và Đầm trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT- BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo các Văn bản số 1505/KSONMT-CLMT ngày 29 tháng 5 năm 2023 và số 294/ KSONMT-CLMT ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc góp ý đối với kết quả Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1510/TTr-STNMT ngày 24 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước mặt nội tỉnh, bao gồm 15 đoạn sông thuộc lưu vực sông La Tinh tại các huyện: Phù Mỹ, Phù Cát và 3 đầm (Thị Nại, Đê Gi, Trà Ổ) để phục vụ công tác quản lý và bảo vệ nguồn nước mặt nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Thông báo Danh mục các sông là nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định đã được đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải đến UBND các huyện, thị xã, thành phố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường để các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan biết, theo dõi, thực hiện.

- Chủ trì tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung việc áp dụng các quy định về khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, đầm là nguồn nước nội tỉnh trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các giải pháp xử lý vấn đề môi trường đối với các nguồn thải đã có nhằm làm gia tăng khả năng chịu tải của các đoạn sông, đầm tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội, giải pháp phòng ngừa và kiểm soát nguồn thải; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt theo quy định.

- Không tham mưu UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt, cấp phép đối với các dự án hoạt động có xả nước thải trực tiếp vào môi trường nước mặt trên các sông, đầm không còn khả năng chịu tải, trừ các trường hợp chủ dự án đầu tư có phương án xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất lượng nước mặt trước khi thải vào nguồn tiếp nhận hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng để không làm phát sinh thêm nước thải ra môi trường.

2. Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về xả thải nước thải theo đúng quy định.

- Tổ chức quản lý danh mục các sông, đầm là nguồn nước nội tỉnh đã được đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải trên địa bàn; chỉ đạo kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn gây ô nhiễm, quản lý chặt chẽ các nguồn thải, các hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo đúng quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung việc áp dụng các quy định về khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, đầm là nguồn nước nội tỉnh trong trường hợp cần thiết và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt theo quy định.

- UBND cấp huyện không cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư mới có hoạt động xả nước thải trực tiếp vào môi trường nước mặt trên các đoạn sông không còn khả năng tiếp nhận nước thải, trừ trường hợp chủ dự án đầu tư có phương án xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng để không làm phát sinh nước thải ra môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TN&MT;
- Cục QL Tài nguyên nước;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC I:**DANH MỤC KHẢ NĂNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI, SỨC CHỊU TẢI CỦA CÁC SÔNG THUỘC LƯU VỰC SÔNG LA TỈNH
LA NGUỒN NƯỚC NỘI TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của UBND tỉnh)*

STT	Tên đoạn sông	Phân đoạn	Chiều dài (km)	Địa giới hành chính	Mục đích sử dụng nước theo QCVN 08:2023/ BTNMT	Tọa độ (VN2000, múi chiều 3 ⁰ , kinh tuyến trực 108 ⁰ 15')		Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải (Kg/ngày)					Ghi chú
						Điểm đầu, X (m); Y (m)	Điểm cuối, X (m); Y (m)	BOD ₅	COD	NH ₄ ⁺	NO ₃ ⁻	PO ₄ ³⁻	
1	Sông Bình Trị	Từ thượng nguồn đến hợp lưu với sông Ông Rông	4,3	Phù Mỹ	A	1571754, 588532	1566362, 586382	3,32	14,37	2,33	34,66	1,42	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
2		Từ hợp lưu với sông Ông Rông đến hợp lưu Phụ lưu số 2	5,4	Phù Mỹ	A	1566362, 586382	1567765, 579636	-46,01	-78,22	0,52	36,53	0,22	Không còn khả năng tiếp nhận nước thải đối với 2 thông số: BOD và COD
3		Từ hợp lưu Phụ lưu số 2 đến hợp lưu sông La Tinh	8,8	Phù Mỹ	A	1567765, 579636	1558641, 587030	-45,40	-95,12	3,05	72,86	1,84	Không còn khả năng tiếp nhận nước thải đối với 2 thông số: BOD và COD
4	Sông Ông Rông	Toàn tuyến sông Ông Rông	12	Phù Mỹ	B	1568944, 581688	1566382, 586402	3,22	9,62	0,67	28,14	0,12	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
5	Phụ lưu số 2	Toàn tuyến Phụ lưu số 2	11	Phù Mỹ	B	1564256, 586178	1567765, 579636	7,14	17,40	0,83	25,85	0,30	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
6	Sông Đá Bạc	Toàn tuyến sông Đá Bạc	7	Phù Mỹ	B	1561758, 587217	1562393, 586668	13,63	27,09	3,46	137,50	1,00	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
7	Sông Cây Gao	Toàn tuyến sông Cây Gao	11	Phù Cát	B	1558162, 587579	1553546, 590257	59,72	214,94	8,26	273,06	8,27	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
8	Sông Đập Làng	Toàn tuyến sông Đập Làng	11	Phù Cát	B	1554197, 600257	1562019, 601497	11,14	29,24	2,02	64,30	1,51	Còn khả năng tiếp nhận nước thải

STT	Tên đoạn sông	Phân đoạn	Chiều dài (km)	Địa giới hành chính	Mục đích sử dụng nước theo QCVN 08:2023/ BTNMT	Tọa độ (VN2000, múi chiều 3 ⁰ , kinh tuyến trực 108°15')		Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải (Kg/ngày)					Ghi chú
						Điểm đầu, X (m); Y (m)	Điểm cuối, X (m); Y (m)	BOD ₅	COD	NH ₄ ⁺	NO ₃ ⁻	PO ₄ ³⁻	
9	Sông Đức Phổ	Từ thượng nguồn đến hợp lưu sông nhánh cách cầu Bến Hữu 300m	3,3	Phù Cát	B	1560885, 591768	1560298, 594200	-15,64	-30,97	2,82	134,49	2,23	Không còn khả năng tiếp nhận nước thải đối với 2 thông số: BOD và COD
10		Từ hợp lưu sông nhánh cách cầu Bến Hữu 300m đến đầm Đề Gi	8,2	Phù Cát	B	1560298, 594200	1564377, 598713	-59,24	-118,24	0,44	125,08	1,58	Không còn khả năng tiếp nhận nước thải đối với 2 thông số: BOD và COD
11	Sông Hiệp An	Toàn tuyến sông Hiệp An	7,5	Phù Mỹ	B	1562590, 593591	1567136, 597706	0,91	18,03	5,91	190,07	4,36	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
12	Sông La Tinh	Từ thượng nguồn đến hợp lưu với sông Bình Trị	15,4	Phù Cát	A	1565132, 576339	1558617, 587125	5,53	60,95	6,66	106,38	4,36	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
13		Từ hợp lưu với sông Bình Trị đến Đập Cây Ké	6,2	Phù Mỹ, Phù Cát	A	1558617, 587125	1561243, 591900	-100,05	-119,67	3,44	113,18	1,56	Không còn khả năng tiếp nhận nước thải đối với 2 thông số: BOD và COD
14		Từ Đập Cây Ké đến đầm Đề Gi	13,4	Phù Mỹ, Phù Cát	B	1561243, 591900	1565610, 596569	-30,49	108,38	4,40	324,13	7,55	Không còn khả năng tiếp nhận nước thải đối với 1 thông số: BOD
15	Sông Trà Mã	Toàn tuyến sông Trà Mã	9,5	Phù Cát	B	1564415, 571181	1560648, 577452	8,46	23,20	0,85	27,30	0,83	Còn khả năng tiếp nhận nước thải

PHỤ LỤC II:
DANH MỤC KHẢ NĂNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI, SỨC CHỊU TẢI CỦA
CÁC ĐÀM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của UBND tỉnh)

STT	Tên đầm	Địa giới hành chính	Mục đích sử dụng nước theo QCVN 08:2023/ BTNMT	Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải (Kg/ngày)				
				BOD ₅	COD	NH ₄ ⁺	NO ₃ ⁻	PO ₄ ³⁻
1	Đầm Thị Nại	Quy Nhơn, Tuy Phước	B	102.375	195.975	8.775	94.965	2.925
2	Đầm Đề Gi	Phù Cát, Phù Mỹ	B	56.640	102.720	7.104	88.896	1.728
3	Đầm Trà Ổ	Phù Mỹ	B	235.897	440.903	25.275	266.789	6.459